

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 3 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 495/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Bình S, sinh năm 1979 – có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1981 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị S và anh Th cưới nhau vào năm 2000, hôn nhân do quen biết, anh chị tự nguyện với nhau và không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân năm 2019 cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị S trình bày là do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến, quan điểm sống khác nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt; anh Th không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc chị S và các con mà lo ăn chơi, cờ bạc, có lần anh Th đánh chị S. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị S và anh Th có hai người con chung tên là Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 04/6/2002 đã trưởng thành và Nguyễn Thành C, sinh ngày 19/5/2010, hiện nay do chị S nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị S yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Th.

- Về con chung: Chị S yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 19/5/2010, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 04/6/2002 đã trưởng thành nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Th: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Th, nhưng anh Th không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 11/01/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp ngày 19/8/2014 và ngày 03/6/2010 thì cháu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 04/6/2002 và Nguyễn Thành C, sinh ngày 19/5/2010 là con chung của chị S và anh Th.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho anh Th, nhưng anh Th không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Th cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Th là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là anh Th, nhưng anh Th vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện:*

- Về hôn nhân: Xét thấy, chị S và anh Th không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị S với anh Th là vợ chồng.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị S là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 19/05/2019, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi chị S và anh Th ly thân với nhau cháu Thành C do chị S nuôi dưỡng; nhằm tránh xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Thành C, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Thành C cho chị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 04/6/2002 đã trưởng thành chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Bình S.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị S với anh Th là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 19/5/2010 cho chị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 04/6/2002 đã trưởng thành chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ hết vào số tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0010593 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị S không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Th vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã A;
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh